

Phụ lục I
Bộ Chỉ số DDCI Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Bộ Chỉ số DDCI khối địa phương

A. Bộ Chỉ số DDCI khối địa phương - Nhóm Doanh nghiệp

Ghi chú:

(*) Chỉ tiêu không được sử dụng để tính điểm xếp hạng DDCI 2026.

(DN) Chỉ tiêu áp dụng riêng đối với nhóm doanh nghiệp.

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
1	Minh bạch, Chính quyền số và tiếp cận thông tin	A1-A5	5
1.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về tính công khai và mức độ thuận lợi khi tiếp cận thông tin liên quan đến văn bản pháp lý, thủ tục hành chính, chính sách tại địa phương	A1	1
1.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá nhận được thông tin, văn bản mà doanh nghiệp cần khi yêu cầu Chính quyền địa phương cung cấp kịp thời	A2	1
1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến là thuận tiện và tiết kiệm hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	A3	1
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết có thể liên hệ được cán bộ tại Chính quyền địa phương với số điện thoại/thông tin liên hệ được công bố	A4	1
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết Bộ phận Một cửa cấp xã có triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin hoặc nền tảng số phục vụ thực hiện thủ tục hành chính (*)	A5	1
2	Chi phí không chính thức	B1-B7	7
2.1	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết có phát sinh chi phí không chính thức trong quá trình tham gia đấu thầu hoặc đề tăng khả năng trúng thầu (DN)	B1, B2	1
2.2	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh và quá trình thực hiện thủ tục hành chính	B3, B4	2

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết có tình trạng bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ nhiều lần hoặc cung cấp tài liệu ngoài quy chuẩn nhằm gây khó dễ cho doanh nghiệp, từ đó gợi ý chi phí không chính thức	B5	1
2.4	Xu thế về mức độ chi phí không chính thức phải trả trong năm vừa qua	B6	1
2.5	Mức độ phổ biến của các chi phí không chính thức chia theo chức năng nhiệm vụ của địa phương (*)	B7	1
3	Hiệu quả thủ tục hành chính và gánh nặng tuân thủ	C1-C5	5
3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật hiện hành	C1, C2	2
3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá quy trình và thủ tục hành chính của địa phương được trình bày, hướng dẫn dễ hiểu, dễ thực hiện	C3	1
3.3	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết Lãnh đạo doanh nghiệp phải dành trên 10% quỹ thời gian làm việc để thực hiện thủ tục hành chính với Chính quyền địa phương	C4	1
3.4	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết phải thường xuyên sửa đổi, bổ sung hồ sơ nhiều lần khi thực hiện thủ tục hành chính với Chính quyền địa phương	C5	1
4	Cạnh tranh bình đẳng	D1-D3	3
4.1	Mức độ hiện diện của doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp thân hữu của Chính quyền địa phương (DN)	D1	1
4.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc địa phương ưu tiên cho các doanh nghiệp lớn hơn các doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm các khía cạnh (DN): - Ưu tiên giải quyết thủ tục hành chính - Ưu tiên thực hiện đối thoại và hỗ trợ DN - Ưu tiên thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển - Tiếp cận mặt bằng kinh doanh - Hợp đồng với cơ quan nhà nước	D2	1
4.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc địa phương đối xử công bằng giữa các loại hình doanh nghiệp/hộ kinh doanh trong	D3	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	việc giải quyết thủ tục hành chính tại cơ sở		
5	Chất lượng hỗ trợ và Đồng hành Doanh nghiệp	E1-E6	6
5.1	Tỷ lệ doanh nghiệp được tham gia/hưởng các chương trình hỗ trợ và đối thoại doanh nghiệp của Chính quyền địa phương	E1	1
5.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chương trình và hoạt động đối thoại của Chính quyền địa phương là thực chất	E2	1
5.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của Chính quyền địa phương đã có cải thiện nhiều trong năm vừa qua	E3	1
5.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Chính quyền địa phương đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp	E4	1
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Chính quyền địa phương đã tổ chức các chương trình hỗ trợ hoặc buổi đối thoại với doanh nghiệp kịp thời với các thay đổi trong chính sách, môi trường kinh doanh	E5	1
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng Chính quyền địa phương có triển khai hoặc phối hợp triển khai các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực kinh doanh, tiếp cận chính sách pháp luật, thuế, chuyển đổi số và các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh (*)	E6	1
6	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	F1-F9	9
6.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, vi phạm quy định bảo vệ môi trường còn phổ biến trên địa bàn	F1, F2	2
6.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Chính quyền địa phương kiên quyết xử lý các vụ lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, vi phạm quy định bảo vệ môi trường	F3, F4	2
6.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phải bỏ chi phí để thuê các dịch vụ bảo vệ, an ninh cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều hơn mức kỳ vọng	F5	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
6.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng trộm cắp, đột nhập trái phép trên địa bàn	F6	1
6.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Chính quyền địa phương kiên quyết xử lý tình trạng trộm cắp, đột nhập trái phép tại địa phương	F7	1
6.6	Xu thế về mức độ các vấn đề an ninh trật tự phức tạp (trộm cắp, tụ tập gây rối, bảo kê, đòi nợ thuê...) xảy ra trong năm vừa qua trên địa bàn phường/xã nơi doanh nghiệp đang hoạt động	F8	1
6.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đã sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài hệ thống Tòa án (như hòa giải, trọng tài...) tại UBND phường/xã, khi phát sinh tranh chấp trong hoạt động kinh doanh	F9	1
7	Năng động, đổi mới sáng tạo và hiệu quả lãnh đạo	G1-G9	9
7.1	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với sự chủ động của Chính quyền địa phương trong việc giải quyết các thủ tục hành chính	G1	1
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng rằng lãnh đạo Chính quyền địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh	G2	1
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng về sự chủ động của địa phương được đánh giá trong việc nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp cũng như tham mưu cho UBND Thành phố các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp	G3	1
7.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Chính quyền địa phương sáng tạo, quyết liệt triển khai chủ trương/quyết định của UBND Thành phố	G4	1
7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá lãnh đạo Chính quyền địa phương quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	G5	1
7.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá lãnh đạo Chính quyền địa phương trực tiếp tham gia đối thoại với doanh nghiệp trong các chương trình đối thoại do Sở, ban, ngành và hoặc các cơ quan khác của thành phố tổ chức	G6	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định lãnh đạo Chính quyền địa phương sát sao trong chỉ đạo, điều hành công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, kiến nghị của doanh nghiệp	G7	1
7.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ tại địa phương có thái độ thân thiện, năng động khi thực hiện thủ tục hành chính	G8	1
7.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ tại địa phương có đủ năng lực chuyên môn và kỹ năng số để hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính	G9	1
8	Chỉ số Xanh và Chuyển đổi Xanh	H1-H9	7
8.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ ô nhiễm (ô nhiễm không khí, nguồn nước, chất thải rắn, tiếng ồn) ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	H1	1
8.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Chính quyền địa phương có chính sách và hành động (phòng ngừa, kiểm tra, khắc phục, xử phạt v.v.) nhằm đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu	H2	1
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Chính quyền địa phương đề cao việc thúc đẩy doanh nghiệp thực hành “xanh”, sạch, và bền vững (phân loại rác, tiết kiệm năng lượng, giảm tiếng ồn, khói bụi...)	H3	1
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Chính quyền địa phương đã triển khai các chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong chuyển đổi xanh và đầu tư dự án xanh	H4	1
8.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Chính quyền địa phương đã có triển khai các chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp thực hành “xanh” trong hoạt động kinh doanh	H5	1
8.6	Xu hướng của các doanh nghiệp trong việc gây ô nhiễm môi trường	H6	1
8.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá rằng công tác phân loại rác tại nguồn tại địa bàn kinh doanh là hiệu quả và thực chất	H7	1
9	Chất lượng sống, Sức khỏe và Môi trường	I1-I4	4
9.1	Tỷ lệ hài lòng của doanh nghiệp đối với chất lượng môi trường sống	I1	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
9.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các dịch vụ y tế cơ bản và công tác y tế dự phòng tại địa bàn được UBND phường/xã phối hợp tổ chức tốt, góp phần bảo đảm sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư xung quanh nơi doanh nghiệp hoạt động.	I2	1
9.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hạ tầng vệ sinh cơ bản đáp ứng được nhu cầu của khu vực doanh nghiệp đang hoạt động	I3	1
9.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và người dân tại địa phương	I4	1
10	Khả năng tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	J1-J8	8
10.1	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết gặp khó khăn trong việc tìm kiếm, tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất, kinh doanh tại địa phương	J1, J2	2
10.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá UBND phường/xã cung cấp kịp thời, rõ ràng các thông tin liên quan đến mặt bằng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phạm vi thu hồi đất, mục đích sử dụng đất đối với khu vực doanh nghiệp quan tâm hoặc đang hoạt động	J3, J4	2
10.3	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp trong việc bồi thường mặt bằng kinh doanh của Chính quyền địa phương nếu bị thu hồi để phục vụ mục đích công	J5	1
10.4	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với Chính quyền địa phương trong việc giải quyết các khiếu nại, vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại địa phương	J6, J7	2
10.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá UBND phường/xã hỗ trợ tích cực trong việc kết nối doanh nghiệp với mặt bằng sản xuất kinh doanh hợp pháp trên địa bàn	J8	1

B. Bộ Chỉ số DDCI khối địa phương - Nhóm Hộ kinh doanh

Ghi chú:

(*) Chỉ tiêu không được sử dụng để tính điểm xếp hạng DDCI 2026.

(HKD) Chỉ tiêu áp dụng riêng đối với nhóm hộ kinh doanh.

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
1	Minh bạch, Chính quyền số và tiếp cận thông tin	A1-A6	6
1.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá tính công khai và mức độ thuận lợi khi tiếp cận thông tin liên quan đến văn bản pháp lý, thủ tục hành chính, chính sách tại địa phương	A1	1
1.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá nhận được thông tin, văn bản mà hộ kinh doanh cần khi yêu cầu Chính quyền địa phương cung cấp kịp thời	A2	1
1.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho biết thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến là thuận tiện và tiết kiệm hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	A3	1
1.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho biết có thể liên hệ được cán bộ tại Chính quyền địa phương với số điện thoại/thông tin liên hệ được công bố	A4	1
1.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho biết Bộ phận Một cửa cấp xã có triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin hoặc nền tảng số phục vụ thực hiện thủ tục hành chính (*)	A5	1
1.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá việc hướng dẫn, tư vấn tại Bộ phận Một cửa cấp xã là rõ ràng, dễ hiểu và giúp hộ kinh doanh thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia một cách thuận lợi (HKD)	A6	1
2	Chi phí không chính thức	B1-B6	6
2.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho rằng chi phí không chính thức ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh và quá trình thực hiện thủ tục hành chính	B1, B2, B3	3
2.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho biết có tình trạng bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ nhiều lần hoặc cung cấp tài liệu ngoài quy chuẩn nhằm gây khó dễ cho doanh nghiệp từ đó gợi ý chi phí không chính thức	B4	1
2.3	Xu thế về mức độ chi phí không chính thức phải trả	B5	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	trong năm vừa qua		
2.4	Mức độ phổ biến của các chi phí không chính thức chia theo chức năng nhiệm vụ của địa phương (*)	B6	1
3	Hiệu quả thủ tục hành chính và gánh nặng tuân thủ	C1-C7	7
3.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật hiện hành	C1, C2	2
3.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho biết phải thường xuyên sửa đổi, bổ sung hồ sơ nhiều lần khi thực hiện thủ tục hành chính với Chính quyền địa phương	C3	1
3.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho biết phải bổ sung, sửa đổi hồ sơ đăng ký kinh doanh trên 3 lần khi thực hiện thủ tục tại UBND phường/xã (HKD)	C4	1
3.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá quy trình và thủ tục hành chính của địa phương được trình bày, hướng dẫn dễ hiểu, dễ thực hiện	C5	1
3.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho rằng hộ kinh doanh phải chờ trên 1 tháng để hoàn thành đầy đủ các thủ tục cần thiết tại Chính quyền địa phương để chính thức đi vào hoạt động (HKD)	C6	1
3.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho biết chủ hộ kinh doanh phải dành trên 10% quỹ thời gian làm việc để làm việc với Chính quyền địa phương	C7	1
4	Cạnh tranh bình đẳng	D1-D3	3
4.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá việc địa phương đối xử công bằng giữa các loại hình doanh nghiệp/hộ kinh doanh trong việc giải quyết thủ tục hành chính tại cơ sở	D1	1
4.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá việc địa phương hỗ trợ công bằng giữa các hộ kinh doanh trong việc giảm gánh nặng tuân thủ (HKD)	D2	1
4.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá địa phương đã có hành động giúp đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng trên địa bàn (HKD)	D3	1
5	Chất lượng hỗ trợ và Đồng hành Doanh nghiệp	E1-E6	6

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
5.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá mức độ tham gia/hưởng các chương trình hỗ trợ và đối thoại doanh nghiệp của Chính quyền địa phương	E1	1
5.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá chương trình và hoạt động đối thoại của Chính quyền địa phương là thực chất	E2	1
5.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của Chính quyền địa phương đã có cải thiện nhiều trong năm vừa qua	E3	1
5.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Chính quyền địa phương đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ cho hộ kinh doanh	E4	1
5.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Chính quyền địa phương đã tổ chức các chương trình hỗ trợ hoặc buổi đối thoại với hộ kinh doanh kịp thời với các thay đổi trong chính sách, môi trường kinh doanh	E5	1
5.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho rằng Chính quyền địa phương có triển khai hoặc phối hợp triển khai các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn nhằm hỗ trợ hộ kinh doanh nâng cao năng lực kinh doanh, tiếp cận chính sách pháp luật, thuế, chuyển đổi số và các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh(*)	E6	1
6	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	F1-F9	9
6.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá hiện tượng lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, vi phạm quy định bảo vệ môi trường còn phổ biến trên địa bàn	F1, F2	2
6.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Chính quyền địa phương kiên quyết xử lý các vụ lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, vi phạm quy định bảo vệ môi trường	F3, F4	2
6.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá phải bỏ chi phí để thuê các dịch vụ bảo vệ, an ninh cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều hơn mức kỳ vọng	F5	1
6.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá hiện tượng trộm cắp, đột nhập trái phép trên địa bàn	F6	1
6.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Chính quyền địa phương	F7	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	kiên quyết xử lý tình trạng trộm cắp, đột nhập trái phép tại địa phương		
6.6	Xu thế về mức độ các vấn đề an ninh trật tự phức tạp (trộm cắp, tụ tập gây rối, bảo kê, đòi nợ thuê...) xảy ra trong năm vừa qua trên địa bàn phường/xã nơi hộ kinh doanh đang hoạt động	F8	1
6.7	Tỷ lệ hộ kinh doanh đã sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài hệ thống Tòa án (như hòa giải, trọng tài...) tại UBND phường/xã, khi phát sinh tranh chấp trong hoạt động kinh doanh	F9	1
7	Năng động, đổi mới sáng tạo và hiệu quả lãnh đạo	G1-G9	9
7.1	Mức độ hài lòng của hộ kinh doanh đối với sự chủ động trong việc giải quyết các thủ tục hành chính	G1	1
7.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh tin tưởng rằng lãnh đạo Chính quyền địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh	G2	1
7.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh hài lòng về sự chủ động của địa phương được đánh giá trong việc nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của hộ kinh doanh cũng như tham mưu cho UBND Thành phố các giải pháp hỗ trợ hộ kinh doanh	G3	1
7.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Chính quyền địa phương sáng tạo, quyết liệt triển khai chủ trương/quyết định của UBND Thành phố	G4	1
7.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá lãnh đạo Chính quyền địa phương quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	G5	1
7.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá lãnh đạo Chính quyền địa phương trực tiếp tham gia đối thoại với hộ kinh doanh trong các chương trình đối thoại do Sở, ban, ngành và hoặc các cơ quan khác của thành phố tổ chức	G6	1
7.7	Tỷ lệ hộ kinh doanh nhận định lãnh đạo Chính quyền địa phương sát sao trong chỉ đạo, điều hành công tác hỗ	G7	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	trợ, tháo gỡ khó khăn, kiến nghị của hộ kinh doanh		
7.8	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá cán bộ tại địa phương có thái độ thân thiện, năng động khi thực hiện thủ tục hành chính	G8	1
7.9	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá cán bộ tại địa phương có đủ năng lực chuyên môn và kỹ năng số để hỗ trợ hộ kinh doanh trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính	G9	1
8	Chỉ số Xanh và Chuyển đổi Xanh	H1-H7	7
8.1	Mức độ ô nhiễm (ô nhiễm không khí, nguồn nước, chất thải rắn, tiếng ồn) ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh	H1	1
8.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Chính quyền địa phương có chính sách và hành động (phòng ngừa, kiểm tra, khắc phục, xử phạt v.v.) nhằm đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu	H2	1
8.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Chính quyền địa phương đề cao việc thúc đẩy hộ kinh doanh thực hành “xanh”, sạch, và bền vững (phân loại rác, tiết kiệm năng lượng, giảm tiếng ồn, khói bụi...)	H3	1
8.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Chính quyền địa phương đã triển khai các chính sách và dịch vụ hỗ trợ hộ kinh doanh trong chuyển đổi xanh và đầu tư dự án xanh	H4	1
8.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Chính quyền địa phương đã có triển khai các chính sách và dịch vụ hỗ trợ hộ kinh doanh thực hành “xanh” trong hoạt động kinh doanh	H5	1
8.6	Xu hướng của các hộ kinh doanh trong việc gây ô nhiễm môi trường	H6	1
8.7	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá rằng công tác phân loại rác tại nguồn tại địa bàn kinh doanh là hiệu quả và thực chất	H7	1
9	Chất lượng sống, Sức khỏe và Môi trường	I1-I4	4
9.1	Tỷ lệ hài lòng của hộ kinh doanh đối với chất lượng môi	I1	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	trường sống		
9.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá các dịch vụ y tế cơ bản và công tác y tế dự phòng tại địa bàn được UBND phường/xã phối hợp tổ chức tốt, góp phần bảo đảm sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư xung quanh nơi hộ kinh doanh hoạt động.	I2	1
9.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá hạ tầng vệ sinh cơ bản đáp ứng được nhu cầu của khu vực hộ kinh doanh đang hoạt động	I3	1
9.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu của hộ kinh doanh và người dân tại địa phương	I4	1
10	Khả năng tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	J1-J8	8
10.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho biết gặp khó khăn trong việc tìm kiếm, tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất, kinh doanh tại địa phương	J1, J2	2
10.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá UBND phường/xã cung cấp kịp thời, rõ ràng các thông tin liên quan đến mặt bằng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phạm vi thu hồi đất, mục đích sử dụng đất đối với khu vực hộ kinh doanh quan tâm hoặc đang hoạt động	J3, J4	2
10.3	Mức độ hài lòng của hộ kinh doanh trong việc bồi thường mặt bằng kinh doanh của Chính quyền địa phương nếu bị thu hồi để phục vụ mục đích công	J5	1
10.4	Mức độ hài lòng của hộ kinh doanh đối với Chính quyền địa phương trong việc giải quyết các khiếu nại, vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại địa phương	J6, J7	2
10.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá UBND phường/xã hỗ trợ tích cực trong việc kết nối hộ kinh doanh với mặt bằng sản xuất kinh doanh hợp pháp trên địa bàn	J8	1

Bộ Chỉ số DDCI khối Sở, ban, ngành***C. Bộ Chỉ số DDCI khối Sở, ban, ngành - Nhóm Doanh nghiệp***

Ghi chú:

(*) Chỉ tiêu không được sử dụng để tính điểm xếp hạng DDCI 2026.

(**) Chỉ tiêu chung áp dụng đối với các Sở, ban, ngành, ngoại trừ Văn phòng UBND Thành phố (bao gồm Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố).

(DN) Chỉ tiêu áp dụng riêng đối với nhóm doanh nghiệp.

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
1	Minh bạch, Chính quyền số và tiếp cận thông tin	A1-A7	5
1.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tính công khai và mức độ thuận lợi khi tiếp cận thông tin liên quan đến văn bản pháp lý, thủ tục hành chính, chính sách và các công tác của Sở, ban, ngành (**)	A1	1
1.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá nhận được thông tin, văn bản mà doanh nghiệp cần khi yêu cầu Sở, ban, ngành cung cấp kịp thời (**)	A2	1
1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc cập nhật thông tin chính sách ban hành thông qua cổng thông tin điện tử của Sở, ban, ngành là nhanh chóng, kịp thời	A3	1
1.4	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về tính thân thiện với người dùng của giao diện, mức độ dễ thao tác và khả năng tìm kiếm thông tin trên cổng thông tin điện tử của Sở, ban, ngành	A4	1
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ công khai và dễ dàng tiếp cận của Cơ sở dữ liệu Quốc gia được công khai hoặc doanh nghiệp được quyền biết thuộc phạm vi quản lý của Sở, ban ngành	A5	1
1.6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận được thông báo về kế hoạch và kết luận kiểm tra rõ ràng và đúng theo quy định (**)	A6	1
	Chỉ tiêu đặc thù Sở Quy hoạch – Kiến trúc	A7	1
1.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn do Sở Quy hoạch - Kiến trúc tham mưu và quản lý là dễ tra cứu, cập nhật và hữu ích cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.	A7	1
	Chỉ tiêu đặc thù Văn phòng UBND Thành phố	A7	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
1.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tính công khai và mức độ thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin do Văn phòng UBND Thành phố công bố hoặc quản lý (DN)	A7	1
1.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tính công khai và mức độ thuận lợi khi tiếp cận thông tin liên quan đến văn bản pháp lý và thủ tục hành chính của các Sở, ban, ngành tại Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố (DN)	A8	1
1.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc hướng dẫn, tư vấn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố là rõ ràng, dễ hiểu và giúp doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trên Công dịch vụ công quốc gia một cách thuận lợi (DN)	A9	1
2	Chi phí không chính thức	B1-B10	10
2.1	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chỉ có những doanh nghiệp có “quan hệ” hoặc chi “hoa hồng” cho cán bộ của Sở, ban, ngành mới có thể thắng thầu (DN) (**)	B1, B2	1
2.2	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh và quá trình thực hiện thủ tục hành chính	B3, B4	2
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết có tình trạng bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ nhiều lần hoặc cung cấp tài liệu ngoài quy chuẩn nhằm gây khó dễ cho doanh nghiệp từ đó gợi ý chi phí không chính thức	B5	1
2.4	Xu thế về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả trong năm vừa qua	B6	1
2.5	Mức độ phổ biến của các chi phí không chính thức ở các Sở, ban, ngành (lựa chọn Sở, ban ngành) (*)	B7	1
2.6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có phát sinh chi phí không chính thức trong quá trình kiểm tra của Sở, ban, ngành (**)	B8	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
2.7	Mức độ phản hồi của Sở về kết luận của các lần kiểm tra cho doanh nghiệp (**)	B9, B10	2
3	Hiệu quả thủ tục hành chính và gánh nặng tuân thủ	C1-C10	10
3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở, ban, ngành có hướng dẫn doanh nghiệp về thủ tục hành chính dễ hiểu, dễ thực hiện, giúp doanh nghiệp giảm gánh nặng tuân thủ	C1	1
3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật hiện hành (**)	C2, C3	2
3.3	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng số lần kiểm tra của Sở, ban, ngành trong năm là đúng theo quy định pháp luật (1 lần/năm) (*) (**)	C4	1
3.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ ảnh hưởng của công tác kiểm tra đối với thời gian hoạt động, làm việc của doanh nghiệp (**)	C5, C6	2
3.5	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết Sở, ban, ngành ưu tiên thực hiện kiểm tra từ xa qua các dữ liệu điện tử, ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra (**)	C7	1
3.6	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết Lãnh đạo doanh nghiệp phải dành trên 10% quỹ thời gian làm việc để thực hiện các thủ tục hành chính hoặc giải quyết thủ tục hành chính với Sở, ban ngành	C8	1
3.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thủ tục hành chính liên quan nhiều Sở, ban, ngành được xử lý thuận lợi, không bị chuyển trả nhiều lần hoặc kéo dài không cần thiết (*)	C9	1
3.8	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết phải thường xuyên sửa đổi, bổ sung hồ sơ nhiều lần khi thực hiện thủ tục hành chính với Sở, ban ngành	C10	1
	Chỉ tiêu đặc thù Sở An toàn Thực phẩm Thành phố	C11	1
3.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thời gian xử lý thủ tục cấp mới, cấp lại, gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của Sở An toàn thực phẩm được thực hiện đúng thời hạn quy định	C11	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Tài chính</i>	<i>C11</i>	<i>1</i>
3.9	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trên 3 lần khi thực hiện thủ tục tại cơ quan cấp phép (DN)	C11	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>	<i>C11-C12</i>	<i>2</i>
3.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thời gian chờ đợi để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến cấp giấy chứng nhận, cấp phép thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định	C11	1
3.10	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai và môi trường	C12	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Văn phòng UBND Thành phố</i>	<i>C11</i>	
3.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thời gian tiếp nhận, hướng dẫn, luân chuyển trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố là đúng hạn so với thời hạn quy định (DN)	C11	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Chi cục Hải quan khu vực II</i>	<i>C11</i>	<i>1</i>
3.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về tốc độ xử lý quy trình thông quan là nhanh chóng và đúng theo quy định	C11	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Bảo hiểm xã hội Thành phố</i>	<i>C11</i>	<i>1</i>
3.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Bảo hiểm xã hội Thành phố nỗ lực hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp trong việc đơn giản hóa quy trình liên quan tới công tác kê khai/yêu cầu thanh toán các chế độ của Bảo hiểm xã hội Thành phố	C11	1
4	Cạnh tranh bình đẳng	D1-D4	4
4.1	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh Sở, ban, ngành ưu ái các doanh nghiệp FDI hơn các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong nước (DN) (**)	D1	1
4.2	Mức độ hiện diện của doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp thân hữu của Sở, ban, ngành (DN)	D2	1
4.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc Sở, ban, ngành ưu tiên cho các doanh nghiệp lớn hơn các doanh nghiệp	D3	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	vừa và nhỏ (DN)		
4.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc Sở, ban, ngành đối xử công bằng giữa các loại hình doanh nghiệp trong việc giải quyết thủ tục hành chính tại cơ sở	D4	1
	Chỉ tiêu đặc thù Sở Nông nghiệp và Môi trường	D5	1
4.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc Sở, ban, ngành ưu tiên cho các doanh nghiệp lớn hơn doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc tiếp cận thông tin đất đai và quy hoạch đất (DN)	D5	1
	Chỉ tiêu đặc thù Thuế Thành phố Hồ Chí Minh	D5	1
4.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc Sở, ban, ngành ưu tiên cho các doanh nghiệp lớn hơn doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc xử lý các hồ sơ hoàn thuế và các chính sách ưu đãi về thuế (miễn, giảm thuế TNDN) (DN)	D5	1
5	Chất lượng hỗ trợ và Đồng hành Doanh nghiệp	E1-E6	6
5.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và hoạt động đối thoại của Sở, ban, ngành là thực chất (**)	E1	1
5.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của Sở, ban, ngành đã có cải thiện nhiều trong năm vừa qua	E2	1
5.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao sự hỗ trợ của Sở, ban, ngành trong việc đưa ra các chính sách thúc đẩy phát triển bền vững và thân thiện với môi trường	E3	1
5.4	Tỷ lệ doanh nghiệp có thể tiếp cận, tham gia và đánh giá hiệu quả các chương trình hỗ trợ của Sở, ban, ngành đối với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp (**)	E4, E5, E6	3
	Chỉ tiêu đặc thù Sở Nông nghiệp và Môi trường	E7	1
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiệu quả hướng dẫn, giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ nhận hồ sơ liên quan cấp chứng nhận quyền sử dụng đất	E7	1
	Chỉ tiêu đặc thù Thuế Thành phố Hồ Chí Minh	E7-E8	2
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết cán bộ Thuế Thành phố có hỗ trợ doanh nghiệp kịp thời trong tuân thủ pháp luật thuế khi có sự thay đổi về quy định kê khai thuế	E7	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao sự hướng dẫn của cơ quan khi yêu cầu doanh nghiệp phải làm việc với nhiều cơ quan khác để bổ sung hoàn tất hồ sơ	E8	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Nội Vụ</i>	<i>E7-E9</i>	<i>3</i>
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp	E7	1
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức tăng năng suất lao động so với chi phí lao động là phù hợp và tỷ lệ thuận	E8	1
5.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Nội vụ hỗ trợ hiệu quả trong việc kết nối doanh nghiệp với nguồn lao động phù hợp với nhu cầu tuyển dụng	E9	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Xây dựng</i>	<i>E7-E8</i>	<i>2</i>
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chất lượng cơ sở hạ tầng và công trình giao thông	E7	1
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá khả năng kết nối và tiếp cận của giao thông vận tải	E8	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Công Thương</i>	<i>E7</i>	<i>1</i>
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ đồng ý về việc tiếp nhận, giải quyết đề nghị xử lý vi phạm trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp	E7	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Tài chính</i>	<i>E7-E9</i>	<i>3</i>
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiệu quả hỗ trợ của Sở, ban, ngành trong việc triển khai, chuyển đổi và sử dụng các nền tảng số miễn phí phục vụ hoạt động kế toán, hóa đơn và kê khai thuế	E7, E8, E9	3
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>E7-E8</i>	<i>2</i>
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các chương trình tập huấn, bồi dưỡng hoặc hướng dẫn chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực của giáo viên, cán bộ quản lý và nhân sự tại cơ sở giáo dục	E7	1
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp và nguồn lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng tốt yêu cầu về tay nghề kỹ thuật và kỹ năng số của doanh nghiệp	E8	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Khoa học và Công nghệ</i>	<i>E7-E9</i>	<i>3</i>
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở, ban, ngành hỗ trợ hiệu quả trong việc cung cấp thông tin, hướng dẫn thủ tục và triển khai các chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ và chuyển đổi số (DN)	E7, E8, E9	3
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực II</i>	<i>E7-E8</i>	<i>2</i>
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở, ban, ngành triển khai hiệu quả Chương trình Kết nối ngân hàng - doanh nghiệp giúp doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng thuận lợi hơn, với lãi suất hoặc điều kiện vay phù hợp hơn (DN)	E7, E8	2
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Du lịch</i>	<i>E7-E9</i>	<i>3</i>
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Du lịch hỗ trợ hiệu quả trong việc xúc tiến, quảng bá và kết nối thị trường cho sản phẩm, dịch vụ du lịch của doanh nghiệp.	E7	1
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Du lịch cung cấp thông tin kịp thời và hỗ trợ hiệu quả Doanh nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến du lịch như tiếp thị, triển lãm, hội chợ thương mại, khảo sát thị trường hoặc sự kiện du lịch.	E8, E9	2
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Văn hóa và Thể thao</i>	<i>E7</i>	<i>1</i>
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Văn hóa và Thể thao hỗ trợ hiệu quả trong việc hướng dẫn và xử lý hồ sơ thông báo/cấp phép liên quan đến hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố.	E7	1
6	<i>Thiết chế pháp lý</i>	<i>F1-F4</i>	<i>4</i>
6.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá văn bản quy phạm pháp luật do cấp Thành phố ban hành liên quan đến lĩnh vực quản lý của Sở, ban, ngành được đánh giá là đáp ứng kịp thời so với nhu cầu thực tiễn	F1	1
6.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở, ban, ngành thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các loại hình doanh nghiệp (DN)	F2	1
6.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở, ban, ngành thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy định	F3	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
6.4	Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng việc phản ánh lên cấp trên sẽ được giải quyết đúng nếu gặp cán bộ của Sở, ban, ngành làm trái với các quy định của pháp luật hoặc cố tình gây khó khăn cho doanh nghiệp	F4	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Công an Thành phố</i>	<i>F5-F7</i>	<i>3</i>
6.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về tình hình an ninh trật tự tại các địa bàn doanh nghiệp đang hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh	F5	1
6.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Công an Thành phố giải quyết có hiệu quả các trường hợp gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại các địa bàn hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh	F6	1
6.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sự hỗ trợ của Công an Thành phố khi có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm	F7	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Tư pháp</i>	<i>F5-F6</i>	<i>2</i>
6.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý	F5	1
6.6	Tỷ lệ doanh nghiệp biết đến hoặc đã từng tiếp cận các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài hệ thống Tòa án do Sở Tư pháp quản lý, công bố hoặc hướng dẫn, ví dụ như hòa giải thương mại, trọng tài thương mại hoặc các phương thức thay thế khác	F6	1
7	Năng động, đổi mới sáng tạo và hiệu quả lãnh đạo	G1-G10	10
7.1	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với sự chủ động của Sở, ban, ngành trong việc giải quyết các thủ tục hành chính	G1	1
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định Sở, ban, ngành đã đóng góp tích cực vào việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh chung	G2	1
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng rằng lãnh đạo Sở, ban, ngành địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh	G3	1
7.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở, ban, ngành sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương/quyết định của	G4	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	Ủy ban nhân dân Thành phố		
7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá lãnh đạo Sở, ban, ngành quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	G5	1
7.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá lãnh đạo Sở, ban, ngành trực tiếp tham gia đối thoại với doanh nghiệp trong các chương trình đối thoại do Sở, ban, ngành và hoặc các cơ quan khác của Thành phố tổ chức	G6	1
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định lãnh đạo Sở, ban, ngành sát sao trong chỉ đạo, điều hành công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, kiến nghị của doanh nghiệp	G7	1
7.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ tại Sở, ban, ngành có thái độ thân thiện, năng động khi thực hiện thủ tục hành chính	G8	1
7.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá quy trình liên thông, phối hợp giữa các Sở, ban, ngành diễn ra trơn tru	G9	1
7.10	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ tại Sở, ban, ngành có đủ năng lực chuyên môn và kỹ năng số để hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính	G10	1
	Chỉ tiêu đặc thù Văn phòng UBND Thành phố	G11-G12	2
7.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ nhất quán trong công tác hỗ trợ doanh nghiệp của các chuyên viên tại Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố (DN)	G11	1
7.12	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các chuyên viên tại Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố có sự phối hợp và liên thông hiệu quả trong thực hiện thủ tục hành chính giữa các Sở, ban, ngành (DN)	G12	1
	Chỉ tiêu đặc thù Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực II	G11-G15	5
7.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các chính sách thúc đẩy tín dụng của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực II được triển khai hiệu quả và giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn thuận lợi hơn (DN)	G11	1
7.12	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về tính chủ động của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực II trong việc thúc đẩy các ngân hàng thương mại triển khai các dịch vụ tài chính hỗ trợ doanh nghiệp (DN)	G12	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
7.13	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về việc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực II có chỉ đạo các tổ chức tín dụng rà soát đơn giản hóa thủ tục cho vay (DN)	G13	1
7.14	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc hướng tín dụng vào các lĩnh vực Chính phủ chủ trương tăng trưởng (DN)	G14	1
7.15	Tỷ lệ Doanh nghiệp đánh giá Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực II chủ động triển khai các hành động và chương trình giúp kết nối doanh nghiệp với các tổ chức tín dụng (DN)	G15	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Thuế Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>G11</i>	<i>1</i>
7.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Thuế Thành phố chủ động và sáng tạo trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến thuế	G11	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>G11-G12</i>	<i>2</i>
7.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động, nỗ lực trong việc đảm bảo cơ hội phát triển chuyên môn cho đội ngũ giáo viên/nhân viên mầm non, nhằm mục tiêu cải thiện chất lượng giáo dục mầm non	G11	1
7.12	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Giáo dục và Đào tạo có chính sách hỗ trợ nguồn cung giáo viên có trình độ, bao gồm cả thông qua hợp tác quốc tế	G12	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Khoa học và Công nghệ</i>	<i>G11-G15</i>	<i>5</i>
7.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở, ban, ngành có sự nỗ lực trong việc khuyến khích tạo ra và sử dụng tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp	G11	1
7.12	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở, ban, ngành có sự nỗ lực trong việc thúc đẩy phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ	G12	1
7.13	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở, ban, ngành chủ động thúc đẩy các cơ chế thử nghiệm, sandbox hoặc mô hình hỗ trợ mới nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ, sản phẩm và mô hình kinh doanh mới (DN)	G13	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
7.14	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở, ban, ngành triển khai các chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo các lĩnh vực công nghệ trọng điểm phù hợp với nhu cầu phát triển của doanh nghiệp (DN)	G14	1
7.15	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở, ban, ngành chủ động trong việc huy động, kết nối và phối hợp nguồn lực từ khu vực tư nhân, quỹ đầu tư, trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp công nghệ để hỗ trợ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo (DN)	G15	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Y tế</i>	<i>G11</i>	<i>1</i>
7.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Y tế chủ động trong triển khai các chương trình, hành động để đảm bảo chất lượng các cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe cho người lao động tại địa bàn	G11	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố</i>	<i>G11</i>	<i>1</i>
7.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố chủ động đơn giản hóa thủ tục đăng ký hoạt động và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn lực hoạt động tại các Khu chế xuất và Khu công nghiệp (DN)	G11	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Ban Quản lý Khu Công nghệ cao</i>	<i>G11</i>	<i>1</i>
7.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thúc đẩy các doanh nghiệp đang hoạt động, đầu tư tại Khu công nghệ cao TP.HCM phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (DN)	G11	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao</i>		
7.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thúc đẩy các doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và liên kết hệ sinh thái nông nghiệp công nghệ cao (nghiên cứu, thử nghiệm, chuyển giao, ươm tạo, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo...) (DN)	G11	1
8	Chỉ số Xanh và Chuyển đổi Xanh	H1-H2	2
8.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở, ban, ngành có chính sách hoặc hành động nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường	H1	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
8.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở, ban, ngành đã có triển khai các chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp thực hành “xanh” trong hoạt động kinh doanh	2	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>	<i>H3-H7</i>	<i>5</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Nông nghiệp và Môi trường tích cực hỗ trợ doanh nghiệp trong việc hỗ trợ đưa ra phương án và thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường (bao gồm đất đai, nước, không khí ...)	H3	1
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao hỗ trợ từ Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc đưa ra các phương án và cải thiện quy trình xử lý chất thải và nước	H4	1
8.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Nông nghiệp và Môi trường tích cực hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cấp phép sử dụng đất theo quy hoạch cho các dự án "xanh" như: điện mặt trời, xử lý nước thải, rác thải ... (DN)	H5	1
8.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Nông nghiệp và Môi trường tích cực hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cấp giấy phép môi trường cho các doanh nghiệp phát triển xanh	H6	1
8.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ hỗ trợ của Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển các dự án nông nghiệp sạch, nông nghiệp xanh	H7	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Quy hoạch - Kiến trúc</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Quy hoạch – Kiến trúc quan tâm lồng ghép các định hướng phát triển xanh, phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu trong công tác lập, điều chỉnh và quản lý quy hoạch	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Xây dựng</i>	<i>H3-H4</i>	<i>2</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao hỗ trợ của Sở Xây dựng trong việc cấp phép đối với các dự án "xanh"	H3	1
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các chương trình/dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi xanh trong lĩnh vực giao thông vận tải (sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch)	H4	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Thuế Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao hỗ trợ của Thuế Thành phố Hồ Chí Minh trong việc ưu đãi thuế đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực "xanh"	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực II</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao hỗ trợ của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực II trong việc đưa ra chính sách thúc đẩy nguồn vốn đầu tư vào các dự án phát triển bền vững, thân thiện với môi trường (DN)	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>H3-H4</i>	<i>2</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các chương trình đào tạo, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường (tiết kiệm điện, nước, giảm rác thải ...)	H3	1
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về việc truyền thông và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường (tiết kiệm điện, nước, giảm rác thải ...) trong giáo dục dạy nghề	H4	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Y tế</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự hỗ trợ và thúc đẩy của Sở Y tế trong việc bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế và kiểm soát tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Công Thương</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự hỗ trợ của Sở Công Thương trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện môi trường	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Tài chính</i>	<i>H3-H6</i>	<i>4</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự hỗ trợ của Sở Tài chính trong công tác giải ngân, cho vay, hỗ trợ lãi suất ... đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, dự án đầu tư có yếu tố bảo vệ môi trường (DN)	H3	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự hỗ trợ của Sở Tài chính trong công tác cấp phép đầu tư, đăng ký hoạt động đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, dự án đầu tư có yếu tố bảo vệ môi trường (DN)	H4	1
8.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá khả năng tiếp cận các nguồn tài trợ từ Sở Tài chính (bao gồm hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ tư vấn, hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi số, và hỗ trợ xúc tiến thương mại) đối với các doanh nghiệp đang triển khai dự án xanh, kinh tế tuần hoàn, và ESG (DN)	H5, H6	2
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Khoa học và Công nghệ</i>	<i>H3-H4</i>	<i>2</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo hướng tới môi trường xanh bền vững (DN)	H3	1
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về hiệu quả của các chiến dịch truyền thông cấp thành phố về bảo vệ môi trường và tăng trưởng bền vững của Sở Khoa học và Công nghệ	H4	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Chi cục Hải quan khu vực II</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự hỗ trợ của Chi cục Hải quan khu vực II trong việc thông quan các mặt hàng phục vụ cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xanh	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Công an Thành phố</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự nỗ lực của Công an Thành phố trong việc phối hợp cùng các Sở, ban, ngành khác để hướng dẫn doanh nghiệp đảm bảo tính tuân thủ và xử lý vi phạm các luật lệ về bảo vệ môi trường	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố</i>	<i>H3-H4</i>	<i>2</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố trong việc quản lý và hỗ trợ các doanh nghiệp trong thực hành bảo vệ môi trường (DN)	H3	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Ban Quản lý hỗ trợ và cung cấp thông tin hiệu quả để các doanh nghiệp trong KCX/KCN liên kết, hợp tác thực hiện cộng sinh công nghiệp, sản xuất sạch hơn và chuyển đổi theo mô hình khu công nghiệp sinh thái (DN)	H4	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Ban Quản lý Khu Công nghệ cao</i>	<i>H3-H4</i>	<i>2</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Ban Quản lý Khu Công nghệ cao trong việc quản lý và hỗ trợ các doanh nghiệp trong thực hành bảo vệ môi trường (DN)	H3	1
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Ban Quản lý Khu Công nghệ cao tích cực hỗ trợ pháp lý/đơn giản hóa quy trình thủ tục cho doanh nghiệp có yếu tố bảo vệ môi trường được đăng ký hoạt động trong Khu Công nghệ cao (DN)	H4	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao</i>	<i>H3-H4</i>	<i>2</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao trong việc quản lý và hỗ trợ các doanh nghiệp trong thực hành bảo vệ môi trường (DN)	H3	1
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao tích cực hỗ trợ pháp lý/đơn giản hóa quy trình thủ tục cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp sạch hoặc có yếu tố bảo vệ môi trường được đăng ký hoạt động trong Khu Nông nghiệp Công nghệ cao (DN)	H4	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Du lịch</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ tích cực của Sở Du lịch trong việc thúc đẩy các loại hình du lịch theo hướng thân thiện môi trường	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Văn hóa và Thể thao</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tính chủ động của Sở Văn hóa và Thể thao trong thúc đẩy quảng bá văn hóa sống “xanh”, lối sống “xanh” trong cộng đồng dân cư và doanh nghiệp	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Tư pháp</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tính chủ động của Sở Tư pháp trong việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với các văn bản/quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh	H3	1
9	Chất lượng sống, Sức khỏe và Môi trường		
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Y tế</i>	<i>I1</i>	<i>1</i>
9.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cơ sở hạ tầng y tế tại nơi doanh nghiệp hoạt động đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp	I1	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>	<i>I1</i>	<i>1</i>
9.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về chất lượng của công tác đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm và thực phẩm có nguồn gốc của các cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản	I1	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở An toàn Thực phẩm Thành phố</i>	<i>I1-I2</i>	<i>2</i>
9.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm của địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và người dân	I1	1
9.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở An toàn Thực phẩm thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm nhằm đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống trên địa bàn	I2	I
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>I1-I3</i>	<i>3</i>
9.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hệ thống mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh có chất lượng tốt	I1	1
9.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chất lượng giáo dục tiểu học đến trung học phổ thông tại địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động	I2	1
9.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm tại các trường học trên địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động	I3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Công Thương</i>	<i>I1</i>	<i>1</i>
9.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiệu quả hoạt động phòng chống hàng giả	I1	1

D. Bộ Chỉ số DDCI khối Sở, ban, ngành - Nhóm Hộ kinh doanh

Ghi chú:

(*) Chỉ tiêu không được sử dụng để tính điểm xếp hạng DDCI 2026.

(**) Chỉ tiêu chung áp dụng đối với các Sở, ban, ngành, ngoại trừ Văn phòng UBND Thành phố.

(HKD) Chỉ tiêu áp dụng riêng đối với nhóm hộ kinh doanh.

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
1	Minh bạch, Chính quyền số và tiếp cận thông tin	A1-A5	5
1.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá tính công khai và mức độ thuận lợi khi tiếp cận thông tin liên quan đến văn bản pháp lý, thủ tục hành chính, chính sách và các công tác của Sở, ban ngành	A1	1
1.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá nhận được thông tin, văn bản mà hộ kinh doanh cần khi yêu cầu Sở, ban, ngành cung cấp kịp thời	A2	1
1.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá việc cập nhật thông tin chính sách ban hành thông qua cổng thông tin điện tử của Sở, ban, ngành là nhanh chóng, kịp thời	A3	1
1.4	Mức độ hài lòng của hộ kinh doanh về tính thân thiện với người dùng của giao diện, mức độ dễ thao tác và khả năng tìm kiếm thông tin trên cổng thông tin điện tử của Sở, ban ngành	A4	1
1.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá mức độ công khai và dễ dàng tiếp cận của Cơ sở dữ liệu Quốc gia được công khai hoặc hộ kinh doanh được quyền biết thuộc phạm vi quản lý của Sở, ban ngành	A5	1
1.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh nhận được thông báo về kế hoạch và kết luận kiểm tra rõ ràng và đúng theo quy định (**)	A6	1
	Chỉ tiêu đặc thù Sở Quy hoạch – Kiến trúc	A7	1
1.7	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn do Sở Quy hoạch – Kiến trúc tham mưu và quản lý là dễ tra cứu, cập nhật và hữu ích cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.	A7	1
	Chỉ tiêu đặc thù Thuế Thành phố Hồ Chí Minh	A7	1
1.7	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho biết thông tin về cơ chế thuế kê khai, hướng dẫn thủ tục và cách tính thuế có	A7	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	thẻ tra cứu dễ dàng (<i>HKD</i>)		
2	Chi phí không chính thức	B1-B9	9
2.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho rằng chi phí không chính thức ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh và quá trình thực hiện thủ tục hành chính	B1, B2, B3	2
2.2	Xu thế về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả trong năm vừa qua	B4	1
2.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho biết có tình trạng bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ nhiều lần hoặc cung cấp tài liệu ngoài quy chuẩn nhằm gây khó dễ cho doanh nghiệp từ đó gợi ý chi phí không chính thức	B5	1
2.4	Mức độ phổ biến của các chi phí không chính thức ở các Sở, ban, ngành (lựa chọn Sở, ban ngành) (*)	B6	1
2.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh nhận định có phát sinh chi phí không chính thức trong quá trình kiểm tra của Sở, ban, ngành (**)	B7	1
2.6	Mức độ phản hồi của Sở về kết luận của các lần kiểm tra cho doanh nghiệp (**)	B8, B9	2
3	Hiệu quả thủ tục hành chính và gánh nặng tuân thủ	C1-C10	10
3.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở, ban, ngành có hướng dẫn doanh nghiệp về thủ tục hành chính dễ hiểu, dễ thực hiện, giúp hộ kinh doanh giảm gánh nặng tuân thủ	C1	1
3.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật hiện hành (**)	C2, C3	2
3.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho rằng số lần kiểm tra của Sở, ban, ngành trong năm là đúng theo quy định pháp luật (1 lần/năm) (*) (**)	C4	1
3.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá mức độ ảnh hưởng của công tác kiểm tra đối với thời gian hoạt động, làm việc của hộ kinh doanh (**)	C5, C6	1
3.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho biết Sở, ban, ngành ưu tiên thực hiện kiểm tra từ xa qua các dữ liệu điện tử, ứng	C7	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	dụng chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra (**)		
3.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho biết Chủ hộ kinh doanh phải dành trên 10% quỹ thời gian làm việc để thực hiện các thủ tục hành chính và làm việc với Sở, ban ngành	C8	1
3.7	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá thủ tục hành chính liên quan nhiều Sở, ban, ngành được xử lý thuận lợi, không bị chuyển trả nhiều lần hoặc kéo dài không cần thiết (*)	C9	1
3.8	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho biết phải thường xuyên sửa đổi, bổ sung hồ sơ nhiều lần khi thực hiện thủ tục hành chính với Sở, ban ngành	C10	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở An toàn Thực phẩm Thành phố</i>	C11	1
3.9	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá thời gian xử lý thủ tục cấp mới, cấp lại, gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của Sở An toàn thực phẩm được thực hiện đúng thời hạn quy định	C11	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>	C11-C12	2
3.9	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá thời gian chờ đợi để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến cấp giấy chứng nhận, cấp phép thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định	C11	1
3.10	Tỷ lệ hộ kinh doanh phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai và môi trường	C12	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Chi cục Hải quan khu vực II</i>	C11	1
3.9	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá về tốc độ xử lý quy trình thông quan là nhanh chóng và đúng theo quy định	C11	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Bảo hiểm xã hội Thành phố</i>	C11	1
3.9	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Bảo hiểm xã hội Thành phố nỗ lực hỗ trợ người lao động và hộ kinh	C11	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	doanh trong việc đơn giản hóa quy trình liên quan tới công tác kê khai/yêu cầu thanh toán các chế độ của Bảo hiểm xã hội Thành phố		
4	Cạnh tranh bình đẳng	D1	1
4.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá việc Sở, ban, ngành đối xử công bằng giữa các loại hình hộ kinh doanh trong việc giải quyết thủ tục hành chính tại cơ sở	D1	1
4.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá việc Sở, ban, ngành hỗ trợ công bằng giữa các hộ kinh doanh trong việc giảm gánh nặng tuân thủ (HKD)	D2	1
4.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở, ban, ngành đã có hành động giúp đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng (HKD)	D3	1
5	Chất lượng hỗ trợ và đồng hành Doanh nghiệp	E1-E6	6
5.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và hoạt động đối thoại của Sở, ban, ngành là thực chất (**)	E1	1
5.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của Sở, ban, ngành đã có cải thiện nhiều trong năm vừa qua	E2	1
5.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá cao sự hỗ trợ của Sở, ban, ngành trong việc đưa ra các chính sách thúc đẩy phát triển bền vững và thân thiện với môi trường	E3	1
5.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh có thể tiếp cận, tham gia và đánh giá hiệu quả các chương trình hỗ trợ của Sở, ban, ngành đối với nhu cầu thực tế của hộ kinh doanh (**)	E4, E5, E6	3
	Chỉ tiêu đặc thù Sở Nông nghiệp và Môi trường	E7	1
5.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá hiệu quả hướng dẫn, giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ nhận hồ sơ liên quan cấp chứng nhận quyền sử dụng đất	E7	1
	Chỉ tiêu đặc thù Thuế Thành phố Hồ Chí Minh	E7-E8	2
5.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh cho biết cán bộ Thuế Thành	E7	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	phổ có hỗ trợ hộ kinh doanh kịp thời trong tuân thủ pháp luật thuế khi có sự thay đổi về quy định kê khai thuế		
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao sự hướng dẫn của cơ quan khi yêu cầu doanh nghiệp phải làm việc với nhiều cơ quan khác để bổ sung hoàn tất hồ sơ	E8	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Nội Vụ</i>	<i>E7-E9</i>	<i>3</i>
5.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp	E7	1
5.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá mức tăng năng suất lao động so với chi phí lao động là phù hợp và tỷ lệ thuận	E8	1
5.7	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở Nội vụ hỗ trợ hiệu quả trong việc kết nối doanh nghiệp với nguồn lao động phù hợp với nhu cầu tuyển dụng	E9	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Xây dựng</i>	<i>E7-E8</i>	<i>2</i>
5.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá chất lượng cơ sở hạ tầng và công trình giao thông	E7	1
5.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá khả năng kết nối và tiếp cận của giao thông vận tải	E8	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Công Thương</i>	<i>E7</i>	<i>1</i>
5.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá mức độ đồng ý về việc tiếp nhận, giải quyết đề nghị xử lý vi phạm trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp	E7	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Tài chính</i>	<i>E7-E10</i>	<i>4</i>
5.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá được Sở Tài chính hỗ trợ, hướng dẫn về thủ tục và các yêu cầu khác trong quá trình chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp (HKD)	E7	1
5.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá hiệu quả hỗ trợ của Sở, ban, ngành trong việc triển khai, chuyển đổi và sử dụng các nền tảng số miễn phí phục vụ hoạt động kế toán, hóa đơn và kê khai thuế	E8, E9, E10	3

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>E7-E8</i>	<i>2</i>
5.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá các chương trình tập huấn, bồi dưỡng hoặc hướng dẫn chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực của giáo viên, cán bộ quản lý và nhân sự tại cơ sở giáo dục	E7	1
5.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp và nguồn lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng tốt yêu cầu về tay nghề kỹ thuật và kỹ năng số của hộ kinh doanh	E8	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Du lịch</i>	<i>E7-E9</i>	<i>3</i>
5.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở Du lịch hỗ trợ hiệu quả trong việc xúc tiến, quảng bá và kết nối thị trường cho sản phẩm, dịch vụ du lịch của doanh nghiệp/hộ kinh doanh.	E7	1
5.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở Du lịch cung cấp thông tin kịp thời và hỗ trợ hiệu quả hộ kinh doanh tham gia các hoạt động xúc tiến du lịch như tiếp thị, triển lãm, hội chợ thương mại, khảo sát thị trường hoặc sự kiện du lịch.	E8, E9	2
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Văn hóa và Thể thao</i>	<i>E7</i>	<i>1</i>
5.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở Văn hóa và Thể thao hỗ trợ hiệu quả trong việc hướng dẫn và xử lý hồ sơ thông báo/cấp phép liên quan đến hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố.	E7	1
6	Thiết chế pháp lý	F1-F3	3
6.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá văn bản quy phạm pháp luật do cấp Thành phố ban hành liên quan đến lĩnh vực quản lý của Sở, ban, ngành được đánh giá là đáp ứng kịp thời so với nhu cầu thực tiễn	F1	1
6.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở, ban, ngành thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy định	F2	1
6.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh tin tưởng việc phản ánh lên cấp trên sẽ được giải quyết đúng nếu gặp cán bộ của Sở,	F3	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	ban, ngành làm trái với các quy định của pháp luật hoặc cố tình gây khó khăn cho doanh nghiệp		
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Công an Thành phố</i>	<i>F4-F6</i>	<i>3</i>
6.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá về tình hình an ninh trật tự tại các địa bàn hộ kinh doanh đang hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh	F4	1
6.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Công an Thành phố giải quyết có hiệu quả các trường hợp gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại các địa bàn hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh	F5	1
6.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá sự hỗ trợ của Công an Thành phố khi có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm	F6	1
	<i>Sở Tư pháp</i>	<i>F4-F5</i>	<i>2</i>
6.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý	F4	1
6.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh biết đến hoặc đã từng tiếp cận các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài hệ thống Tòa án do Sở Tư pháp quản lý, công bố hoặc hướng dẫn, ví dụ như hòa giải thương mại, trọng tài thương mại hoặc các phương thức thay thế khác	F5	1
7	Năng động, đổi mới sáng tạo và hiệu quả lãnh đạo	G1-G10	10
7.1	Mức độ hài lòng của hộ kinh doanh đối với sự chủ động của Sở, ban, ngành trong việc giải quyết các thủ tục hành chính	G1	1
7.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đồng ý với nhận định Sở, ban, ngành đã đóng góp tích cực vào việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh chung	G2	1
7.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh tin tưởng rằng lãnh đạo Sở, ban, ngành địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh	G3	1
7.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở, ban, ngành sáng	G4	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương/quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố		
7.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá lãnh đạo Sở, ban, ngành quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	G5	1
7.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá lãnh đạo Sở, ban, ngành trực tiếp tham gia đối thoại với doanh nghiệp trong các chương trình đối thoại do Sở, ban, ngành và hoặc các cơ quan khác của Thành phố tổ chức	G6	1
7.7	Tỷ lệ hộ kinh doanh nhận định lãnh đạo Sở, ban, ngành sát sao trong chỉ đạo, điều hành công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, kiến nghị của doanh nghiệp	G7	1
7.8	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá cán bộ tại Sở, ban, ngành có thái độ thân thiện, năng động khi thực hiện thủ tục hành chính	G8	1
7.9	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá quy trình liên thông, phối hợp giữa các Sở, ban, ngành diễn ra trơn tru	G9	1
7.10	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá cán bộ tại Sở, ban, ngành có đủ năng lực chuyên môn và kỹ năng số để hỗ trợ hộ kinh doanh trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính	G10	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Thuế Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>G11-G12</i>	<i>2</i>
7.11	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Thuế Thành phố chủ động và sáng tạo trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến thuế	G11	1
7.12	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Thuế Thành phố đã chủ động kết nối hộ kinh doanh với các nhà cung cấp giải pháp, chuyển đổi số trong hỗ trợ hộ kinh doanh triển khai hóa đơn điện tử và kê khai thuế (HKD)	G12	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>G11-G12</i>	<i>2</i>
7.11	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở Giáo dục và Đào	G11	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	tạo chủ động, nỗ lực trong việc đảm bảo cơ hội phát triển chuyên môn cho đội ngũ giáo viên/nhân viên khối mầm non, nhằm mục tiêu cải thiện chất lượng giáo dục mầm non		
7.12	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở Giáo dục và Đào tạo có chính sách hỗ trợ nguồn cung giáo viên có trình độ, bao gồm cả thông qua hợp tác quốc tế	G12	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Khoa học và Công nghệ</i>	<i>G11-G12</i>	<i>2</i>
7.11	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở, ban, ngành có sự nỗ lực trong việc khuyến khích tạo ra và sử dụng tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp	G11	1
7.12	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở, ban, ngành có sự nỗ lực trong việc thúc đẩy phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ	G12	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Y tế</i>	<i>G11</i>	<i>1</i>
7.11	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở Y tế chủ động trong triển khai các chương trình, hành động để đảm bảo chất lượng các cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe cho người lao động tại địa bàn	G11	1
8	Chỉ số Xanh và Chuyển đổi Xanh	H1-H2	2
8.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở, ban, ngành có chính sách hoặc hành động nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường	H1	1
8.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở, ban, ngành đã có triển khai các chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp thực hành “xanh” trong hoạt động kinh doanh	H2	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>	<i>H3-H6</i>	<i>4</i>
8.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở Nông nghiệp và Môi trường tích cực hỗ trợ doanh nghiệp trong việc hỗ trợ đưa ra phương án và thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường (bao gồm đất đai, nước, không khí ...)	H3	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
8.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá cao hỗ trợ từ Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc đưa ra các phương án và cải thiện quy trình xử lý chất thải và nước	H4	1
8.5	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở Nông nghiệp và Môi trường tích cực hỗ trợ cấp giấy phép môi trường cho các Hộ kinh doanh phát triển xanh	H5	1
8.6	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá mức độ hỗ trợ của Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển các dự án nông nghiệp sạch, nông nghiệp xanh	H6	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Quy hoạch - Kiến trúc</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở Quy hoạch - Kiến trúc lồng ghép các định hướng phát triển xanh, phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu trong công tác lập, điều chỉnh và quản lý quy hoạch	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Xây dựng</i>	<i>H3-H4</i>	<i>2</i>
8.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá cao hỗ trợ của Sở Xây dựng trong việc cấp phép đối với các dự án "xanh"	H3	1
8.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá các chương trình/dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi xanh trong lĩnh vực giao thông vận tải (sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch)	H4	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Thuế Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá cao hỗ trợ của Thuế Thành phố Hồ Chí Minh trong việc ưu đãi thuế đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực "xanh"	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>H3-H4</i>	<i>2</i>
8.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá các chương trình đào tạo, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường (tiết kiệm điện, nước, giảm rác thải ...)	H3	1
8.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá về việc truyền thông và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường (tiết kiệm điện, nước, giảm rác thải ...) trong giáo dục	H4	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	dạy nghề		
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Y tế</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá về sự hỗ trợ và thúc đẩy của Sở Y tế trong việc bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế và kiểm soát tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Công Thương</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá về sự hỗ trợ của Sở Công Thương trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện môi trường	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Khoa học và Công nghệ</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá về hiệu quả của các chiến dịch truyền thông cấp thành phố về bảo vệ môi trường và tăng trưởng bền vững của Sở Khoa học và Công nghệ	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Chi cục Hải quan khu vực II</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá về sự hỗ trợ của Chi cục Hải quan khu vực II trong việc thông quan các mặt hàng phục vụ cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xanh	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Công an Thành phố</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá về sự nỗ lực của Công an Thành phố trong việc phối hợp cùng các Sở, ban, ngành khác để hướng dẫn doanh nghiệp đảm bảo tính tuân thủ và xử lý vi phạm các luật lệ về bảo vệ môi trường	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Du lịch</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá mức độ tích cực của Sở Du lịch trong việc thúc đẩy các loại hình du lịch theo hướng thân thiện môi trường	H3	1
8.4	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở Du lịch tích cực thúc đẩy các cơ sở lưu trú kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường	H4	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Văn hóa và Thể thao</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá tính chủ động của Sở Văn hóa và Thể thao trong thúc đẩy quảng bá văn hóa sống “xanh”, lối sống “xanh” trong cộng đồng dân cư và doanh nghiệp	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Tư pháp</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá tính chủ động của Sở Tư pháp trong việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với các văn bản/quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh	H3	1
9	Chất lượng sống, Sức khỏe và Môi trường		
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Y tế</i>	<i>I1</i>	<i>1</i>
9.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá cơ sở hạ tầng y tế tại nơi doanh nghiệp hoạt động đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp	I1	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>	<i>I1</i>	<i>1</i>
9.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá chất lượng của công tác đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm và thực phẩm có nguồn gốc của các cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản	I1	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở An toàn Thực phẩm Thành phố</i>	<i>I1-I2</i>	<i>2</i>
9.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm của địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và người dân	I1	1
9.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá Sở An toàn Thực phẩm thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm nhằm đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống trên địa bàn	I2	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>I1-I3</i>	<i>3</i>
9.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá hệ thống mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh có chất lượng tốt	I1	1

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
9.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá chất lượng giáo dục tiểu học đến trung học phổ thông tại địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động	I2	1
9.3	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm tại các trường học trên địa phương nơi hộ kinh doanh hoạt động	I3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Công Thương</i>	<i>I1</i>	<i>1</i>
9.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh đánh giá hiệu quả hoạt động phòng chống hàng giả	I1	1